

# CHÍNH SÁCH BÁO CHÍ CỦA VIỆT NAM CỘNG HÒA TỪ THÁNG 11-1963 ĐẾN THÁNG 4-1975

BẾ THỊ THẨM\*

**T**rong hơn 20 năm thống trị ở miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa luôn coi báo chí là một vũ khí quan trọng trên lĩnh vực chính trị. Nhằm khai thác triệt để công cụ này, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã ban hành nhiều văn bản, qui chế quản lý báo chí. Mỗi thời kỳ có những quy định cụ thể khác nhau, nhưng về bản chất, mục đích là không thay đổi. Nếu như dưới thời chính quyền Ngô Đình Diệm, các Sắc luật, Đạo dụ về báo chí được đánh giá là có tính chất mở đầu và chưa hoàn chỉnh, ngay như Dụ 13 đã từng được coi là “con dao đồ tể đặt trên đầu *Đệ tứ quyền*” (1) thì những năm sau này, các đạo luật về báo chí nhiều hơn về số lượng và ở một số thời điểm nhất định, nhà cầm quyền cũng muốn báo chí phát triển nhưng với tính chất răn đe, sự cứng rắn, cũng chỉ nhằm mục đích kiểm soát báo chí gắt gao hơn... Do đó, việc đặt vấn đề khảo sát toàn bộ hệ thống chính sách báo chí của Việt Nam Cộng hòa giai đoạn 1963-1975, nhằm tổng thể nghiên cứu về báo chí Sài Gòn trước năm 1975 cũng là một cách tiếp cận cần thiết, ngõ hầu tìm ra câu trả lời cho điều kiện, môi trường hoạt động và vẽ nên diện mạo cũng

như tính cách của nền báo chí đương thời, góp cho bức tranh hiện thực về thực trạng của xã hội miền Nam trước năm 1975...

## 1. Bộ máy quản lý báo chí của Việt Nam cộng hòa

Sau sự kiện đảo chính ngày 1-11-1963, nền Đệ nhất Cộng hòa chấm dứt sau 9 năm tồn tại, miền Nam Việt Nam bước vào thời kỳ khủng hoảng chính trị liên tục. Trong hơn 3 năm, từ tháng 11-1963 đến 1967, tại miền Nam Việt Nam đã trải qua sáu lần liên tiếp thay đổi giữa các lực lượng quân sự và dân sự. Nhằm chấm dứt tình trạng khủng hoảng quyền lực, ngày 14-6-1965, Quân lực Việt Nam Cộng hòa công bố quyết định thành lập “Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia” do Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu và “Ủy ban Hành pháp Trung ương” do Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ làm Chủ tịch. Ngày 11-9-1966, Nguyễn Văn Thiệu tổ chức bầu cử để thành lập nên “Quốc hội lập hiến”, Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia - Nguyễn Văn Thiệu ban hành Hiến pháp ngày 1-4-1967 và thành lập nền Đệ nhị Cộng hòa (2). Vậy nên nền báo chí Sài Gòn từ 11-1963 đến trước tháng 4-1967, về ý nghĩa pháp quy đương nhiên vận hành hệ thống văn bản của thời kỳ trước.

\*ThS. Khoa Lý luận Chính trị, Trường ĐH Tài chính - Marketing, Tp.HCM



Thời gian này, mỗi nội các chính phủ dù có sự khác biệt ít nhiều về chủ trương, phương cách lãnh đạo quốc gia, nhưng đều kế thừa nguyên vẹn “quốc sách chống Cộng” đã có từ khi thành lập chính quyền Ngô Đình Diệm. Đây cũng chính là tư tưởng chi phối các chính sách trên nhiều lĩnh vực, trong đó có cả lĩnh vực báo chí.

Tổ chức tâm lý chiến do Mỹ thiết lập nên gồm: Liên vụ Thông tin Hoa Kỳ, Phái bộ viện trợ Mỹ (USOM), Văn phòng trợ lý đặc biệt cho đại sứ (OSA), các cơ quan phụ trách tâm lý chiến thuộc Bộ Tư lệnh viện trợ quân sự Mỹ, phụ tá giám đốc các chương trình thông tin tuyên truyền, báo chí xuất bản, phát thanh, phim ảnh, triển lãm... đó là những công cụ văn hóa của Mỹ trong cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam. Còn Việt Nam Cộng hòa cũng thành lập các tổ chức như: Văn phòng phụ tá đặc biệt liên hệ đoàn thể trực thuộc Phủ Tổng thống, phụ tá đặc biệt của Phủ Tổng thống phụ trách Nghiên cứu Chánh trị Văn hóa, Nha Tổng Giám đốc Thông tin và Báo chí trực thuộc Phủ Thủ tướng, Bộ Thông tin, Bộ Nội vụ, Nha Sinh hoạt văn hóa, Phòng Nạp bản thuộc Nha Văn khố Quốc gia, Phòng Pháp chế Bộ Quốc gia Giáo dục, Bộ Dân vận và Chiêu hồi... (3).

Khác với những năm trước, từ sau năm 1963, hệ thống tổ chức bộ máy của Việt Nam Cộng hòa gồm 17 bộ, nhưng do không có Bộ Thông tin riêng, nên báo chí đặt dưới quyền quản lý của Nha Tổng Giám đốc Thông tin và Báo chí trực thuộc Phủ Thủ tướng. Đến năm 1968, sau sự kiện Tết Mậu Thân, nội các của Nguyễn Văn Lộc được thay thế bằng nội các Trần Văn Hương, gồm 15 bộ, lúc này đã có Bộ Thông tin do Giáo sư Tôn Thất Thiện làm Tổng trưởng, nên có thể hiểu báo chí thuộc hệ quản lý này. Vào năm 1973, Bộ Thông tin tiếp tục

được cải biến thành Phủ Tổng ủy dân vận trực thuộc Phủ Tổng thống. Trong Phủ Tổng ủy Dân vận có Khối Phối hợp báo chí và Nghệ thuật phụ trách quản lý báo chí quốc nội và quốc ngoại (4).

Như vậy, có thể hình dung, về mặt quản lý, một tờ báo muốn hoạt động phải có giấy phép hoạt động, chủ báo phải nộp hồ sơ xin ra báo tại Bộ Nội vụ. Sau khi đã được Bộ Nội vụ cấp giấy phép hoạt động, chủ báo làm tờ khai nộp tại Nha Thông tin báo chí thuộc Bộ Thông tin, gồm các nội dung sau: Bản sao giấy phép hoạt động do Bộ Nội vụ cấp; tên tờ nhật báo hoặc tạp chí; thông tin người đứng tên chủ nhiệm, những người góp vốn và tất cả các cộng sự viên thường trực (gồm họ tên, ngày sinh, nơi sinh, số thẻ căn cước, ngày cấp và nơi cấp thẻ căn cước, địa chỉ cư trú); địa chỉ tòa soạn, nhà in; thể thức ấn hành (nhật báo, báo cách nhật, tuần báo, nguyệt san, bán nguyệt san...). 48 giờ kể từ khi nộp tờ khai, Bộ Thông tin sẽ ra thông báo cấp hoặc không cấp giấy phép xuất bản báo chí cho chủ báo (5).

Trong quá trình hoạt động, tất cả các tờ báo phải tuân thủ những qui định về chế độ nạp bản tại Phòng Nạp bản thuộc Nha Văn khố Quốc gia. Ngoài ra còn có Văn phòng phụ tá đặc biệt liên hệ đoàn thể trực thuộc Phủ Tổng thống và Phụ tá đặc biệt của Phủ Tổng thống phụ trách Nghiên cứu Chánh trị Văn hóa là những cơ quan chịu trách nhiệm phổ biến chủ trương báo chí của Phủ Tổng thống đến các cơ quan quản lý báo chí, đồng thời trực tiếp báo cáo Tổng thống về những vấn đề hệ trọng của báo chí, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến chính trị và an ninh quốc gia... (6).

Hệ thống này còn phải thu thập, tổng hợp và phân tích các nguồn tin tức, dư luận trong và ngoài nước để trình lên Tổng thống; phổ biến chính sách, đường lối và



các hoạt động của Tổng thống cho báo giới và dư luận am hiểu; chuẩn bị về hình thức và nội dung các cuộc phỏng vấn của Thủ tướng, tiên liệu những câu hỏi của ký giả có thể nêu lên và đề nghị các câu trả lời sau khi tham khảo ý kiến của các Bộ liên hệ để biết những yếu tố chi tiết; thu thập các yếu tố và chuẩn bị việc dự thảo các diễn văn của Tổng thống ... Phòng Pháp chế Bộ Quốc gia Giáo dục giữ vai trò đảm bảo cho các qui chế báo chí được thực thi và tham mưu xử lý những trường hợp vi phạm qui chế báo chí.

Như vậy, trong thời gian này, nhằm tăng cường quản lý và kiểm soát báo chí, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã xây dựng nên một bộ máy tương đối hoàn chỉnh, gồm nhiều cơ quan, tổ chức có sự phân quyền và phối hợp chặt chẽ... Bên cạnh đó, một hệ thống văn bản pháp quy cũng được ban hành làm công cụ thực thi quyền lực trên lĩnh vực báo chí.

## 2. Hệ thống các văn bản quản lý báo chí của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu

Trong khoảng thời gian 9 năm tồn tại, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, đã ban hành nhiều các văn bản chỉ đạo, quản lý và ấn định qui chế báo chí. Có thể phân loại hệ thống văn bản này như sau:

*Thứ nhất*, văn bản mang tính Hiến định (ngày 1-4-1967), ở Điều 12 và Điều 13 khẳng định “Công dân có các quyền Tự do hội họp và lập hội; tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do báo chí và xuất bản, chế độ kiểm duyệt không được chấp nhận; quyền đối lập công khai, bất bạo động...” (7).

*Thứ hai*, những văn bản pháp quy gồm 5 Sắc luật, 3 Huấn thị của Nguyễn Văn Thiệu 4 Sắc lệnh của Thủ tướng.

*Thứ ba*, có trên 100 Nghị định, Quyết định của các cơ quan quản lý báo chí (Nha tổng Giám đốc Thông tin, Bộ Thông tin, Phủ Tổng ủy Dân vận/Thông tin) về việc

cho xuất bản - đình bản - tục bản và phát hành - cấm phát hành - thu hồi báo chí, kiểm duyệt - nạp bản các ấn phẩm báo chí, đổi tên báo, tên chủ nhiệm báo, cho thuê manchette báo.

*Thứ tư*, có hàng trăm văn bản là các “phiếu trình”, “lờ khai” do các cơ quan đặc trách theo dõi báo chí ban hành như Phụ tá đặc biệt của Phủ Tổng thống phụ trách Nghiên cứu Chánh trị Văn hóa, Nha Báo chí thuộc Phủ Thủ tướng, Nha Sinh hoạt văn hóa, Phòng Pháp chế Bộ Quốc gia Giáo dục, Bộ Thông tin, Phủ Tổng ủy Dân vận. Qua hệ thống tư liệu trong *phông Đệ nhị cộng hòa* tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II cho thấy, nội dung chủ yếu của các văn bản là những báo cáo về tình hình hoạt động, dư luận báo chí trước các vấn đề chính trị - xã hội, nội dung hội họp của các nghiệp đoàn báo chí; các đề nghị giải quyết các vấn đề mang tính sự vụ của báo chí như: các tờ báo vi phạm qui chế báo chí; đề nghị hỗ trợ kinh phí, tài liệu cho một số trường hợp đặc biệt (tờ báo phục vụ chính trị); đề nghị đình bản, cho tục bản, cấm phát hành, cho phép phát hành lại hoặc thu hồi báo chí; đề xuất kế hoạch tổ chức và xây dựng báo chí...

Có thể coi Sắc luật số 027/67 ban hành ngày 20-7-1967 là văn bản pháp quy báo chí đầu tiên của nền chính trị này, tái khẳng định quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí trong Hiến pháp và có nội dung quan trọng, đó là: “Đình chỉ việc kiểm duyệt đối với các nhật báo và tạp chí có giấy phép xuất bản của Bộ Thông tin (8). Nguyễn Cao Kỳ, lúc này là Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương lý giải về việc đình chỉ kiểm duyệt báo chí: “Trong thời gian qua, việc đã làm chúng tôi lo nghĩ nhiều nhất (9) là một số người mị dân và vô trách nhiệm dùng những bài báo giả tạo hay muốn làm sai lạc dư luận vào việc



tuyên truyền xấu xa chống lại xứ sở và nỗ lực chiến tranh. Nhưng hiện nay, tôi cảm thấy rằng báo chí của chúng ta có ý thức rõ đâu là nguy hại, đâu là có thể nguy hại đến quyền lợi của dân tộc chúng ta trong cuộc chiến đấu cho chính tự do của chúng ta". Và "Sẽ không có giới hạn nào đối với báo chí khi viết phóng sự về các ứng cử viên trong các cuộc bầu cử sắp tới hoặc về việc diễn tiến trong các cuộc bầu cử" (10). Sắc luật này được tiếp tục công nhận trong Luật 019/69 ngày 30-12-1969, Sắc luật số 007-TT/SLU ngày 4-8-1972, và mở rộng đối với tất cả báo chí thay vì chỉ áp dụng cho các nhật báo và tạp chí định kỳ.

Tuy nhiên, trên thực tế, bộ máy này vẫn nhanh chóng triển khai xây dựng một phương cách kiểm soát báo chí mới. Tháng 12-1967, Tổng Giám đốc Thông tin và Báo chí Nguyễn Thành Luông trình Thủ tướng Nguyễn Văn Lộc một văn bản đề "Tối mật" về "Đường lối hoạt động của Tổng Nha thông tin báo chí về mặt báo chí" (11), trong đó Sở Báo chí thuộc Nha Báo chí chuyên trách có nhiệm vụ: "Chịu trách nhiệm thi hành các thủ tục và áp dụng luật lệ báo chí, lập hồ sơ các báo, theo dõi (12) báo chí mỗi ngày, phối hợp với các ủy viên báo chí các Bộ, các cơ quan trung ương để vận động báo chí phổ biến, giải thích các hoạt động của chính phủ". Với nhận định "Vấn đề phát hành được coi là vấn đề sống chết của báo chí", Nguyễn Thành Luông đã phân tích những hạn chế của phương thức hiện tại và đề xuất giải pháp mới để kiểm soát việc phát hành báo chí: "Phát hành báo chí không thể chỉ được coi là một hoạt động thương mại. Trái lại, công việc này có liên quan mật thiết đến cuộc chiến tranh chính trị của chính phủ và nhân dân ta. Do đó, các cơ sở phát hành không thể giao phó mãi vào tay những con buôn và những

cai thầu vô trách nhiệm. Nếu Chính phủ không nên trực tiếp đảm nhận phát hành báo chí thì Chính phủ nên giao việc đó cho những đoàn thể nhân dân xứng đáng được nâng đỡ, các đoàn thể này sẽ hoạt động với sự trợ giúp của những người hành nghề chuyên môn và Thông tin" (13). Và giải pháp này được thực hiện với mục tiêu: "Có thêm một phương sách để giúp đỡ báo chí lành mạnh chống Cộng; giải thoát báo chí khỏi sự chi phối, đe dọa của các nhà phát hành thiếu lương tâm; ngăn chặn sự len lỏi của Việt Cộng nhằm phá hoại các tờ báo quốc gia chân chính; có điều kiện áp dụng các phương tiện và lề lối làm việc đối với báo chí..." (14).

Sự ra đời của văn bản này cho thấy, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí được khẳng định trong Hiến pháp thực ra mang tính hình thức. Đồng thời, quyết định đình chỉ chế độ kiểm duyệt báo chí trong Sắc luật 027/67 thực chất chỉ là thay thế hình thức kiểm soát này bằng hình thức kiểm soát khác để báo chí vẫn nằm trong khuôn khổ, phục vụ cho các mục tiêu của chính quyền, đặc biệt là mục tiêu chống Cộng.

Vào những năm sau sự kiện Mậu Thân 1968, tình hình chiến sự, chính trường nước Mỹ và chính quyền Sài Gòn có nhiều thay đổi. Mặt khác, ở các đô thị miền Nam, phong trào bảo vệ văn hóa dân tộc, phong trào đấu tranh đòi hòa bình, đòi quyền dân tộc tự quyết, đòi thi hành Hiệp định Paris, phong trào phụ nữ đòi quyền sống diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Vì vậy, chính quyền Việt Nam Cộng hòa tăng cường đàn áp thay vì sử dụng nhiều hình thức dân chủ (trong đó có báo chí) như những năm trước. Đầu tiên và khá cứng rắn, ngày 30-12-1969, Nguyễn Văn Thiệu ký ban hành Luật số 019/69 về "án định Quy-chế Báo-chí" (15) để giới hạn quyền tự do báo chí. Theo hồ sơ



soạn thảo và ban hành Luật ấn định Quy chế báo chí năm 1969, Luật 019/69 ngày 30-12-1969 được cơ cấu gồm 8 chương, 69 điều, cụ thể: Chương I. Điều khoản căn bản (gồm Điều 1 và Điều 2); Chương II. Xuất bản báo chí (gồm 15 điều, từ Điều 3 đến Điều 17); Chương III. Quyền hạn và Trách vụ của báo chí (gồm 18 điều, từ Điều 18 đến Điều 35); Chương IV. Phát hành báo chí (gồm 03 điều, từ Điều 36 đến Điều 38); Chương V. Hội đồng báo chí (gồm 03 điều, từ Điều 39 đến Điều 41); Chương VI. Chế tài hình sự (gồm 8 điều, từ Điều 42 đến Điều 49); Chương VII. Thủ tục truy tố (gồm 17 điều, từ Điều 50 đến Điều 66); Chương VIII. Điều khoản tổng quát (gồm 3 điều, từ Điều 67 đến Điều 69) (16).

Có thể nói, từ trước năm 1969, dù trải qua nhiều biến động, nhưng về cơ bản nền báo chí Sài Gòn vẫn áp dụng theo Đạo luật 1881 có từ thời Pháp thuộc. Tại đây, từ năm 1954 đến năm 1969 đã có một số văn bản pháp luật được ban hành nhằm bổ sung, sửa đổi các điều khoản của Đạo luật 1881 nhưng nhìn chung vẫn chưa hoàn thiện và chưa hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu kiểm soát của nhà cầm quyền. Sau khi Luật 019/69 được ban hành, tại Hội thảo về "Sứ mạng của báo chí", do Câu lạc bộ Báo chí Sài Gòn tổ chức đã nhận định: "Luật 019/69 được coi là văn bản lập pháp đầu tiên tổng hợp toàn bộ các qui định về báo chí trong suốt 88 năm kể từ khi báo chí Việt ngữ ra đời và có thể thay thế cho tất cả các văn bản lập pháp, lập qui đã ban hành trước đó" (17).

Luật báo chí mới được ban hành với mục đích đặt báo chí vào khuôn khổ giới hạn do chính quyền đặt ra, củng cố thêm phương tiện kiểm soát báo chí nhằm tối ưu hóa công cụ chính trị. Tuy nhiên, theo chúng tôi, nếu so sánh với những năm trước, một

số nội dung Luật 019/69 đã đề ra nhưng còn khá mơ hồ, ví dụ như chưa làm rõ thế nào là *vi phạm đến an ninh quốc gia, trật tự công cộng*. Vì vậy, Luật 019/69 được thực thi mang tính răn đe giới báo chí là chủ yếu. Trong quá trình thực hiện, Luật này cũng cho thấy chưa có những điều khoản giới hạn số phát hành, nên thực ra cũng khó kiểm soát xuất bản và nội dung báo chí. Và hàng loạt các qui định hà khắc về kiểm duyệt nội dung để làm cơ tịch thu, đình bản, rút giấy phép hoạt động của các báo, gây ảnh hưởng đến vấn đề kinh tế... từ đó, mâu thuẫn giữa chính quyền và báo giới ngày càng lên cao.

Đến ngày 17-2-1970, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Cộng hòa - Trần Thiện Khiêm đã ban hành Sắc lệnh số 22-SL-Th.T/PC1 ngày 17-2-1970 về Thiết lập Ủy ban Đặc trách thi hành Điều 19 Luật số 019/69 ngày 30-12-1969 ấn định Quy chế Báo chí, với nội dung: "Để thi hành Điều 19 Luật số 019/69 ngày 30-12-1969 ấn định Quy chế Báo chí, nay thiết lập tại Bộ Nội vụ một Ủy ban Đặc trách theo dõi các nhật báo và tạp chí xuất bản tại Sài Gòn - Gia Định, nhằm ngăn ngừa những vi phạm an ninh quốc gia, trật tự công cộng và thuần phong mỹ tục, cùng đề nghị áp dụng chế tài dự trù trong điều luật ấy, nếu xét cần" (18). Tuy nhiên, chỉ 15 ngày sau, Thủ tướng Trần Thiện Khiêm lại ban hành Sắc lệnh số: 027-SL/Th.T/PC.1 ký ngày 2-3-1970 về "Bãi bỏ Điều 1 Sắc lệnh số 022/SL-Th.T/PC.1 ngày 17-2-1970 và thay thế bằng điều khoản sau: "Điều 1 (mới) - thiết lập tại Bộ Nội vụ một Ủy ban đặc trách thi hành điều 19 Luật 019/69 ngày 30-12-1969 ấn định Quy chế Báo chí" (19). Đến ngày 10-4-1970, Thủ tướng Trần Thiện Khiêm tiếp tục ký Sắc lệnh số 036-SL/Th.T/PC.1 về "Hủy bỏ Sắc lệnh số 22-SL-Th.T/PC1 ngày



17-2-1970 và Sắc lệnh số 27-SL/Th.T/PC1 ngày 2-3-1970 về Thiết lập Ủy ban Đặc trách thi hành Điều 19 Luật số 019/69 ngày 30-12-1969 ấn định Quy chế Báo chí" (20). Nhưng việc thi hành luật còn phải căn cứ vào những sắc lệnh, nên chính những thay đổi liên tục về sắc lệnh thi hành Luật 019/69 lại thể hiện sự lúng túng, bị động của chính quyền trong việc thực thi. Qua đó cũng bộc lộ rõ một số hạn chế của đạo luật này, vốn đã được xem là hoàn thiện so với tất cả các văn bản pháp lý về báo chí đã ban hành trước đó. Nên cần cơ sở pháp lý khác thay thế, tuy vẫn dựa trên nền tảng của đạo luật 019/69.

Mặt khác, từ năm 1972, tình hình chiến sự có nhiều biến động theo chiều hướng đe dọa sự tồn tại của chính quyền Việt Nam Cộng hòa: về chính trị, cuộc đàm phán ở Paris đang diễn biến theo hướng bất lợi; về quân sự: Quân đội Việt Nam Cộng hòa chịu nhiều tổn thất từ những cuộc đối đầu. Cuối tháng 3-1972, Quân giải phóng mở chiến dịch Xuân - Hè, tiến công vào hệ thống phòng ngự của quân lực Việt Nam Cộng hòa, Nguyễn Văn Thiệu phải tuyên bố "Tổ quốc lâm nguy" và chủ trương ban hành "Thiết quân luật", ngày 28-6-1972 đã ban hành Sắc luật 005/72 ấn định các biện pháp cần thiết áp dụng trong tình trạng Thiết quân luật (21) với nội dung chính là "ủy quyền cho Tổng thống Việt Nam Cộng hòa quyết định và ban hành bằng sắc luật trong các lãnh vực an ninh, quốc phòng, kinh tế, tài chánh trong thời hạn 6 tháng..." (22). Trong đó, khoản 4E của Điều 4 trực tiếp liên hệ đến báo chí.

Từ Sắc luật 005/72, ngày 04/8/1972, Sắc luật 007/TT/SLU của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa được ban hành đã sửa đổi lại một số điều khoản của quy chế báo chí 019/69 và những biện pháp chế tài chặt chẽ, cứng

rắn đã làm cho làng báo Sài Gòn gặp những biến cố chưa từng có kể từ trước đó.

Những điểm chính trong Sắc luật 007/TT/SLU ngày 4/8/1972 (23) là:

- Về điều kiện xuất bản báo chí:

+ Nặng nề nhất trong điều khoản này là qui định về ký quỹ (nhật báo 20 triệu, báo định kỳ 10 triệu, báo đảng được giảm một nửa;

+ Phải khai rõ ban biên tập. Trước khi xuất bản 15 ngày, chủ nhiệm báo phải nộp hồ sơ khai báo đầy đủ danh tính, lý lịch, các bút danh, địa chỉ cư trú của những người tham gia làm báo về Bộ Thông tin và Bộ Nội vụ, gồm: Chủ nhiệm, chủ bút, quản lý, thư ký toàn soạn, nhân viên tòa soạn và các ký giả (24).

+ Khi đã đủ các điều kiện để xin ra báo, chủ báo phải nộp hồ sơ xin cứu xét tại Bộ Thông tin. Trong vòng 3 tháng từ ngày nộp đơn, Bộ Thông tin phải cấp giấy phép chính thức hoặc có thư trả lời bác đơn cứu xét. Thời hạn cứu xét đơn tối đa 3 tháng, dài hơn 2 tháng so với Luật 019/69.

- Về phát hành:

+ Nhật báo chỉ được phép đem ra khỏi nhà in để phát hành sau khi đã nạp bản 4 giờ (thay vì 2 giờ như luật 019/69), báo định kỳ là sau 24 giờ (thay vì 6 giờ như luật cũ). Những báo phát hành trước giờ luật định sẽ bị tịch thu cùng với phương tiện vận chuyển.

+ Số lượng phát hành phải khai báo xác thực tại Bộ Thông tin. Trường hợp không khai hoặc khai không đúng sẽ bị phạt từ 10.000 đến 100.000 ngàn. Để kiểm soát số lượng báo và ngăn chặn việc phát hành những số báo đã có lệnh tịch thu, trong điều 4 khoản 1d của Sắc luật này qui định phải ghi rõ tên và địa chỉ của tất cả các nhà in công tác với tờ báo này. Nhà in sẽ chịu trách nhiệm liên đới nếu cho phát hành các



số báo đã có lệnh tịch thu. Vi phạm khoản này có thể bị phạt tiền, phạt tù hoặc cả hai.

+ Khác với luật cũ, Sắc luật 007 có sự phân chia thành 2 cách phát hành: nếu là báo tự phát hành, nhật báo phải ký quỹ 5 triệu và báo định kỳ ký quỹ 2.5 triệu; nếu là phát hành báo do người khác xuất bản hoặc một tổ hợp phát hành nhiều báo, cả nhật báo và báo định kỳ phải ký quỹ 50 triệu và phải cho biết cụ thể danh sách những người phối hợp phát hành ở từng địa phương. Tiền ký quỹ nhằm mục đích đảm bảo cho việc nộp phạt hoặc bồi thường trong những trường hợp vi phạm.

- Về hình thức xử lý vi phạm:

Ở Sắc luật 007, các hình phạt bao gồm cả phạt tiền và phạt tù đều tăng mạnh (từ hai đến mười lần) so với luật 019/69, thể hiện:

+ Nhật báo vi phạm các điều như khai báo không trung thực hoặc thiếu sót, phát hành trước giờ qui định, thuê manchette, xúc phạm cơ quan công quyền hoặc tự nhân... theo Luật 019/69 sẽ bị phạt tù từ 6 ngày đến 2 tháng và phạt tiền từ 10 đến 100 ngàn. Tuy nhiên, ở Sắc luật 007, hình phạt tăng cao gấp 10 lần, phạt tù từ 1 tháng đến 1 năm và phạt tiền từ 100 ngàn đến 1 triệu đối với các tội danh tương tự.

+ Đối với các vi phạm liên quan đến vấn đề an ninh, quốc phòng, kinh tế, làm suy giảm tinh thần chiến đấu của quân đội, có biểu hiện thân cộng sản, Luật 019/69 phạt tù từ 3 tháng đến 3 năm và phạt tiền từ 200 ngàn tới 1 triệu. Trong khi đó, với các vi phạm tương tự, Sắc luật 007 qui định phạt tù từ 1 năm đến 3 năm và phạt tiền từ 1 triệu đến 5 triệu. Nếu các chủ báo không nộp các khoản tiền vi phạm theo qui định, Tổng Giám đốc ngân khố được quyền đơn phương trích số tiền này từ tiền ký quỹ của tờ báo. Khi bị tịch thu hai lần vì lý do an

ninh, quốc phòng, trật tự công cộng, Tổng trưởng Nội vụ có quyền tạm thời đóng cửa tờ báo dù chưa có quyết định của tòa án.

Sắc luật 007/72 đã bóp nghẹt quyền tự do báo chí, trái với những điều được qui định tại Hiến pháp. Đặc biệt, các qui định về ký quỹ đã khiến hàng loạt các tờ báo phải đóng cửa, kể các những nhật báo lớn như Tin Sáng, Chính Luận, Đuốc Nhà Nam, Điện Tín, Sóng Thần, Dân Chủ Mới, Thời Đại Mới... Trong thông báo số 33 ra ngày 8-8-1972, Hội đồng báo chí (đăng trên Tạp chí Đối Diện, số 39, tháng 9-1972, trang 123) đã nhận xét: "Sắc luật này gây cho làng báo một sự khủng hoảng trầm trọng chưa từng có trong lịch sử báo giới từ trước tới nay" và "Nó có sức tàn phá như đại bác 130 ly. Nổ tung cả làng báo... có mục đích khai tử báo chí miền Nam Việt Nam" (25). Nền hàng loạt các phong trào đấu tranh của báo giới và quần chúng như các dân biểu, nghị sĩ, văn nhân trí thức, linh mục, nhà sư, các hội đoàn nghề nghiệp... đã diễn ra mạnh mẽ, sôi nổi cả trên mặt báo lẫn ngoài đường phố, tự đình bản, biểu tình, hội đồng báo chí từ chức tập thể, tổ chức tự đốt báo để chống chính quyền tịch thu báo chí, kêu gọi sự can thiệp của các tổ chức quốc tế...

Bất chấp làn sóng phản đối gay gắt của báo giới và dư luận, ngày 7-8/1972, Văn phòng phụ tá đặc biệt liên lạc đoàn thể đã gửi Phiếu trình số 183-PTT/PTĐB/LLĐT/TM về "Biện pháp đối phó với các phản ứng về Sắc-luật 007/72 sửa đổi Quy chế báo chí" (26) đến Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Nội dung Phiếu trình này phân tích và dự báo các phản ứng có khả năng xảy ra từ những người có liên quan đến Sắc Luật này như các chủ báo, ký giả, nhà phát hành, các thành phần



Quốc hội như nghị sĩ, dân biểu...; đồng thời đề xuất các biện pháp đối phó, gồm cả các biện pháp tích cực và các biện pháp tiêu cực có tính cách ngăn chặn và hóa giải.

Sau Sắc luật 007/72, còn có khá nhiều văn bản nhằm hiện thực hóa Sắc luật này, tác động mạnh đến đời sống sinh hoạt báo chí, như: Sắc lệnh số 14-TT/SL ngày 9-1-1973 về việc “Cải biến Bộ Thông tin thành Phủ Tổng ủy Dân vận trực thuộc Phủ Tổng thống”, ngày 9-2-1973, Nguyễn Văn Thiệu tiếp tục ký Nghị định số 033-TT/NĐ về “Ấn định tổ chức Phủ Tổng ủy Dân vận” (27). Trong đó, tại mục II của Nghị định này qui định về tổ chức của “Khối phối hợp báo chí và nghệ thuật”, cụ thể: “Khối phối hợp báo chí và nghệ thuật do một Trưởng khối xếp ngang hàng Giám đốc điều khiển. Có một Phụ tá Trưởng khối xếp ngang hàng Phó Giám đốc và được hưởng phụ cấp Chánh Sự vụ. Khối phối hợp báo chí và nghệ thuật gồm có: phòng điều hành; khối pháp lý; phân khối khai thác báo chí và tạp chí quốc nội, quốc ngoại; phân khối kiểm soát ấn loát; phân khối kiểm soát phim ảnh và nhạc”. Trong đó, Phòng Pháp lý Báo chí điều khiển và phụ trách các vấn đề liên quan đến thủ tục, luật lệ báo chí, tạp chí và ấn phẩm; Phòng Nhật báo quốc nội phụ trách duyệt bản, điểm các báo xuất bản tại Việt Nam; Phòng Tạp chí quốc nội điều khiển và phụ trách duyệt bản, điểm các tạp chí xuất bản tại Việt Nam; Phòng Kiểm soát ấn loát quốc nội điều khiển và phụ trách kiểm soát các ấn loát phẩm xuất bản trong nước”.

Ngày 16-1-1973, Nguyễn Văn Thiệu còn ra Huấn-Thị số 001-TT/HT đề “Thượng khẩn” về việc “Chỉ đạo đường lối Dân-vận/Thông-tin trong và ngoài nước” (28). Trong đó, Huấn thị nhấn mạnh lại vai trò của Phủ Tổng ủy dân vận: “Lãnh vực hoạt động của Dân vận/Thông tin trong và ngoài

nước có liên hệ đến tất cả mọi ngành trong chính phủ, đồng thời trong quân chủng lẫn quân lực, cho nên chánh sách, đường lối, phối hợp hoạt động, ưu tiên công tác, sử dụng nhân tài-vật lực phải được chỉ đạo một cách thống nhất, kịp thời và hữu hiệu từ cấp cao nhất để được chấp hành đúng mức, kịp thời và hữu hiệu tại cấp thấp nhất”. Đồng thời, trong Huấn thị cũng ấn định thành lập một “ủy ban chỉ đạo thường xuyên” gồm 17 thành viên “cốt cán” trong nội các chính phủ.

Gần một năm sau đó, ngày 30-11-1973, Nguyễn Văn Thiệu muốn tiếp tục kiểm soát chặt hơn, nên đã ký ban hành Luật số 014/73 ngày 30-11-1973 “Qui định chế độ nạp bản tại Việt Nam” (29). Luật này gồm 5 chương với những nội dung chính như sau:

- Chương I qui định về các loại văn hóa phẩm phải nạp bản để kiểm duyệt trước khi phát hành, đem bán, cho mượn, phát không hoặc nhượng quyền chuyên bản, gồm: ấn loát phẩm như sách, báo, tạp chí (giai phẩm, đặc san định kỳ hay bất định kỳ), ấn họa, hình in khắc bích chương có tính cách chính trị hay quân sự, địa đồ; nhạc phẩm; đĩa hát và băng ghi âm; nhiếp ảnh phẩm; phim chiếu bóng và tài liệu truyền hình. Chỉ được miễn nạp bản với những ấn chỉ dung tư nhân như danh thiếp, thiệp mời, giấy báo hỉ... hay những ấn chỉ thuộc về hành chánh, tư pháp, thương mại.

- Chương II qui định thể thức nạp bản. Đối với các văn hóa phẩm sản xuất trong nước, người đứng tên xin xuất bản hay phát hành phải đem nạp bản liền sau khi sản xuất xong (trong đó nhà sản xuất nạp 2 bản, nhà xuất bản nạp 6 bản, nhà nhập cảng nạp 2 bản).

- Chương III qui định về việc tổ chức và điều hành nạp bản và sẽ ban hành sắc lệnh qui định chi tiết về việc tổ chức và điều hành của cơ quan phụ trách nạp bản.



- Chương IV qui định về chế tài thực hiện. Các nhà ấn loát, nhà sản xuất hoặc nhà xuất bản nếu vi phạm các điều khoản về nạp bản trong Luật 014/73 sẽ bị phạt từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng. Nếu tái phạm sẽ bị phạt từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng. Trong trường hợp không nạp bản, hoặc nạp bản không đủ số lượng đã ấn định, cơ quan phụ trách nạp bản sẽ mua bổ khuyết và kinh phí do người vi phạm chi trả.

- Chương V là các điều khoản phụ kèm theo như việc được quyền áp dụng Luật 014/73 như một tài liệu minh chứng quyền tác giả trong các vụ tranh chấp.

Văn bản này ra đời với mục đích cụ thể hóa qui định về chế độ nạp bản đã đề ra trong Sắc luật 007/72. Luật 014/73 nhằm siết chặt việc quản lý, kiểm soát, tận thu tài chính, tịch thu và kiểm duyệt nội dung gắt gao, chặt chẽ nhằm buộc báo chí phải hoạt động trong khuôn khổ, phục vụ cho các mục đích của chính quyền.

Sau đó, nhằm hiện thực hóa Luật số 014/73, Phòng Pháp chế Bộ Quốc gia Giáo Dục còn soạn thảo một sắc lệnh về ấn định thể thức thi hành Luật số 014/73 ngày 30-11-1973 của Thủ tướng Chính phủ (30), nên bị giới báo chí phản đối quyết liệt. Ngày 3-4-1975, Thủ tướng Trần Thiện Khiêm đã phát đi Huấn thị số 402/ThTV/VP/M (đề Mật) "về việc thi hành chính-sách thông-tin Báo-chí" (31). Huấn thị này bổ túc cho Huấn thị số 1099/HT/ThT/STTT/M ngày 20-9-1972 ấn định phân hành và trách nhiệm của các Bộ và cơ quan trong việc thi hành Sắc luật số 007/TT/SLU sửa đổi Luật số 019/69 ấn định Quy chế Báo-chí.

Dù thể hiện tính chất phi dân chủ, nhưng các sắc luật này vẫn được thực thi đến những ngày cuối cùng của chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

### 3. Nhận xét

Về hình thức câu từ trong Hiến định và một số Sắc luật, Nghị định, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu luôn tỏ ra tôn trọng quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, nhưng quá trình thực thi vẫn thể hiện sự độc tài, hạn chế dân chủ, ý đồ kiểm soát báo chí. Nên chính sách báo chí không nằm ngoài bản chất và mục tiêu của nền chính trị đó. Ở mức độ nào đó, giống như giai đoạn trước, nền báo chí này có thể nói cũng "làm nhiệm vụ chống Cộng thay cho chính quyền".

Những năm trước đó, chính quyền Sài Gòn chưa có các bộ luật riêng về báo chí, ngoài tờ trình của Phủ Tổng thống về thể lệ xuất bản báo chí (32), thì lúc này đã xây dựng được một hệ thống văn bản pháp lý đủ để khống chế và kiểm soát báo chí ngày càng chặt chẽ. Đáng chú ý nhất là, bằng cách kế thừa các văn bản cũ, có bổ sung, Luật báo chí 019/69 ngày 30-12-1969 và Sắc luật 007/72 ngày 4-8-1972, đã tác động mạnh mẽ đến nền báo chí Sài Gòn những năm này. Sau đó là nhiều sắc lệnh, nghị định, huấn thị nhằm hiện thực hóa 2 đạo luật, như đã mô tả ở trên.

Khi thực thi Sắc luật 007/72, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã vấp phải làn sóng đấu tranh mạnh mẽ của báo giới, không những vậy còn lôi cuốn nhiều người dân đô thị (kể cả một số người không ủng hộ cách mạng) cũng chống lại chính quyền đương thời. Ngày 28-9-1974, nhóm dân biểu quốc gia thuộc Khối Dân tộc Xã hội Hạ Nghị viện đã gửi văn bản số 523/H/74 đến Thủ tướng chính phủ Việt Nam Cộng hòa đề: "... bày tỏ nỗi bất bình của toàn thể anh em dân biểu đối với việc chính phủ vẫn tiếp tục ra lệnh tịch thu báo một cách có hệ thống; đối với việc báo chí bị bóp nghẹt không được đăng tải trung thực các bài vở tin tức, nhất là không được phép đăng toàn văn Bản Cáo trạng số 1 cũng như đối với



việc công an, cảnh sát và Bộ Dân vận Chiêu hồi tiếp tục đe dọa, ngăn chặn, đàn áp, đánh đập các nhà báo” (33). Và tố cáo đây là: “Chủ trương trả thù và dùng cảnh sát trị báo chí đã gây phần nộ trong dư luận quần chúng, dồn báo chí vào con đường cùng hoặc phải đầu hàng, hoặc phải tranh đấu quyết liệt cho tới giờ chót để được tự do hoặc chết. Chủ trương này chỉ có thể là một chủ trương của các chính phủ độc tài thối nát, sợ hãi tiếng nói của nhân dân và hoàn toàn không có dân ủng hộ” (34). Lời tuyên bố đanh thép của các dân biểu đấu tranh chống chính sách báo chí của chính quyền: “Chúng tôi xin Thủ tướng với thiện chí và quyền hạn sẵn có, cấp tốc ra lệnh chấm dứt ngay các hành vi ác hại nói trên để chúng tỏ lời tuyên bố sẵn sàng sửa sai và tôn trọng tự do báo chí của Thủ tướng trong cuộc điều trần ngày 26-7-1974 còn có giá trị phần nào. Trong trường hợp ngược lại chúng tôi xin cảnh giác trước với Thủ tướng là cả chế độ đang đi vào chỗ tự hủy diệt vì đã công khai xóa bỏ quyền tự do căn bản nhất của nhân dân và bởi đó đang trở thành “thù địch của nhân dân vì đã coi nhân dân như chó ngựa” (35).

Trước làn sóng đấu tranh mạnh mẽ của nhóm dân biểu quốc gia thuộc Khối Dân tộc xã hội Hạ Nghị viện, các Nghiệp đoàn báo chí và các ký giả Sài Gòn, nên Bộ Tư lệnh Cảnh sát Quốc gia đã liên tục có các văn bản đề “thượng khẩn” trình Thủ tướng, tường thuật chi tiết diễn biến các hoạt động nhằm chống lại Sắc luật 007 và Sắc luật 019 về quy chế báo chí.

Đặc biệt, sau sự kiện ngày 10-10-1974 - “Ngày ký giả đi ăn mày” do Nghiệp đoàn ký giả Nam Việt, Nghiệp đoàn Ký giả Việt Nam và Hội ái hữu ký giả quyết định trong buổi họp ngày 4-10-1974 tại Câu lạc bộ báo chí, Phiếu trình số 581774/BTL/CSQG/ĐB/E11 của Bộ Tư lệnh Cảnh sát Quốc gia gửi Văn phòng Đặc biệt Phủ Thủ tướng đã

trình bày chi tiết nội dung cuộc diễu hành của ký giả, gồm: việc chuẩn bị, thành phần tham gia (thành phần chủ tọa, ký giả, các nghiệp đoàn báo chí, các đoàn thể, dân biểu, nghị sĩ...), diễn biến và danh sách các dân cử, chính khách, đoàn thể ủng hộ và gửi thư khích lệ phong trào này.

Chính sách báo chí của Việt Nam Cộng hòa những năm này, đương nhiên nhằm phục vụ cho các mục tiêu chính trị, đặc biệt là mục tiêu chống Cộng. Nên những tờ báo nào làm trái với lợi ích của chính quyền, đứng về phía cách mạng, hoặc đấu tranh đòi các quyền tự do, đều bị đình bản, tịch thu, đàn áp, bắt bớ, phạt tiền, thậm chí phạt tù đối với chủ nhiệm báo và ký giả. Quyền tự do báo chí chỉ được nói lỏng để báo chí được phát triển khi chính quyền cần tranh thủ sự ủng hộ của báo giới, hay do vấn đề *kinh tế báo chí* (nói như thuật ngữ ngày nay), hoặc như trước các cuộc bầu cử, cần xoa dịu dư luận về các thông tin chiến sự, hoặc khi báo giới đấu tranh gay gắt với những đạo luật cai trị báo chí vô lý và hà khắc của chính quyền...

Khi đó, việc đấu tranh chống lại các chính sách báo chí độc tài không chỉ dừng lại trên mặt báo, trên các diễn đàn mà các phong trào “xuống đường tranh đấu” cũng đã diễn ra rất sôi nổi, mạnh mẽ, ngoài sự kiện “Ngày ký giả đi ăn mày” còn có “Ngày công lý và báo chí thọ nạn” (30-10-1974), “Ngày ký giả thọ ơn đồng bào ruột thịt” (20-11-1974)... Đồng thời lực lượng tranh đấu không chỉ có báo giới mà còn thu hút sự tham gia, ủng hộ của đông đảo các giới đồng bào như dân biểu, nghị sĩ, doanh nhân, trí thức, tu sĩ, linh mục, thanh niên, học sinh, sinh viên...

Chính sách báo chí của chính quyền Việt Nam Cộng hòa những năm này phản ánh sự tương thích và không tương thích (vốn là thuộc tính của các nền báo chí) giữa hoạt động báo chí và công quyền. Khi khảo



sát riêng những văn bản, nghị định báo chí thuộc phạm vi thời gian này, chúng tôi đã nhận thức đầy đủ hơn về quá trình vận hành của nền báo chí Sài Gòn lúc này cho đến khi chiến tranh chấm dứt, miền Nam được giải phóng và đất nước thống nhất.

Về mặt kỹ thuật thuần túy, tính khái quát, những nhất quán trong lập luận, diễn đạt, cách trình bày câu từ trong văn bản, sự chặt chẽ, tỉ mỉ, đạt tính khoa học khi có những dự báo về hành vi nghề nghiệp báo chí... của hệ thống văn bản này khá đồ sộ,

theo chúng tôi lại là nguồn tư liệu quý cho nghiên cứu lịch sử báo chí nói chung và lịch sử chế độ báo chí nói riêng. Hơn nữa, nghiên cứu những định chế báo chí thời kỳ này cũng là những kinh nghiệm tốt cho việc soạn thảo văn bản pháp quy về báo chí.

Cuối cùng, như đã nói ở trên, khảo sát, mô tả chính sách báo chí trong tổng thể nghiên cứu nền báo chí Sài Gòn những năm này để góp phần tạo dựng bức tranh lịch sử của xã hội miền Nam trước năm 1975.

### CHÚ THÍCH

(1). Dẫn theo Dương Kiều Linh, *Một vài nét về chính sách báo chí của chính quyền Ngô Đình Diệm (1954 - 1963)*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2, năm 1999, tr. 26.

(2). Dẫn theo Phan Đăng Thanh - Trương Thị Hòa, *Lịch sử các chế độ báo chí ở Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay*, Nxb. Tổng hợp Tp. HCM, tr. 170.

(3). Dẫn theo các tài liệu lưu trữ trong hồ sơ số 219 thuộc Phòng Nha Sinh hoạt văn hóa tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia (TTLTQG) II.

(4). Dẫn theo các tài liệu lưu trữ trong hồ sơ số 3952 thuộc Phòng Đệ nhị Cộng hòa tại TTLTQG II.

(5), (15). Phòng Nha Văn khố Quốc gia, *Luật số 019/69 ngày 30-12-1969 ấn định Quy-chế Báo-chí*, Hồ sơ số 1471.

(6). Dẫn theo các tài liệu lưu trữ trong hồ sơ số 219 thuộc Phòng Nha Sinh hoạt văn hóa tại TTLTQG II.

(7). TTLTQG II, Phòng Đệ nhị Cộng hòa, *Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa 1-4-1967*.

(8). TTLTQG II, Phòng Phủ Thủ tướng, *Hồ sơ ban hành Sắc luật về "Đình chỉ kiểm duyệt đối với các nhật báo và tạp chí có giấy phép xuất bản của Bộ Thông tin năm 1967"*, Hồ sơ số 29732.

(9). Tác giả trích dẫn nguyên bản.

(10). TTLTQG II, Phòng Phủ Thủ tướng, Việt Nam Thông tấn xã - số 5974 (sáng), thứ Sáu ngày 21-7-1967 về Sắc lệnh bãi bỏ kiểm duyệt báo chí đang được soạn thảo. Hồ sơ số 29732.

(11). TTLTQG II, Phòng Đệ nhị Cộng hòa, tài liệu tối mật, *Trích-yếu: Đường lối hoạt động của Tổng Nha Thông-tin Báo-Chí về mặt Báo-Chí*. Hồ sơ số 7772.

(12). Viết theo nguyên văn bản gốc.

(13), (14). TTLTQG II, Phòng Đệ nhị Cộng hòa, tài liệu tối mật, *Trích-yếu: Đường lối hoạt động của Tổng Nha Thông-tin Báo-Chí về mặt Báo-Chí*. Hồ sơ số 7772.

(16). TTLTQG II, Phòng Phủ Thủ tướng, *Hồ sơ soạn thảo và ban hành Luật ấn định Quy chế báo chí năm 1969*. Hồ sơ số 30263.

(17). Phòng Phủ thủ tướng, Thư trình Đặc-trách Báo-chí Phủ Thủ-tướng, Trích yếu: "Về cuộc Hội-thảo "Sứ mạng của báo chí" tại câu lạc bộ Báo-chí Sài-Gòn". Hồ sơ số 3144.

(18). TTLTQG II, Phòng Quốc Vụ khanh đặc trách văn hóa, Sắc lệnh số 22-SL-Th.T/PC1 ngày 17-2-1970 về "Thiết lập ủy ban Đặc trách thi hành Điều 19 Luật số 019/69". Hồ sơ số 1101.

(19). TTLTQG II, Phòng Quốc Vụ khanh đặc trách văn hóa, Sắc lệnh số 027-SL-Th.T/PC1 ngày 02-



3-1970 về “sửa đổi Sắc lệnh 022-SL-Th.T/PC1 ngày 17/2/1970”. Hồ sơ số 1101.

(20). TTLTQG II, Phòng Quốc Vụ khanh đặc trách văn hóa, *Sắc lệnh số 036-SL/Th.T/PC.1 ban hành ngày 10-4-1970 về “Hủy bỏ Sắc lệnh số 22-SL-Th.T/PC1 ngày 17-2-1970 và Sắc lệnh số 27-SL/Th.T/PC1 ngày 2-3-1970 về Thiết lập ủy ban Đặc trách thi hành điều 19 Luật số 019/69 ngày 30-12-1969 ấn định Quy chế Báo chí”*. Hồ sơ số 1101.

(21). TTLTQG II, Phòng Phủ Thủ tướng, Đuốc Nhà Nam (5/8/1972), ý kiến từ Sắc luật 005 ngày 25-7-1972 đến “Đạo luật báo chí mới” của Trần Tấn Quốc. Hồ sơ số 3677.

(22). TTLTQG II, Phòng Phủ Thủ tướng, Nhật báo Hòa Bình (5/8/1972), *Nghị sĩ Tôn Thất Đính, Chủ tịch Hội Chủ báo cho biết “Sắc luật sửa đổi quy chế báo chí vi hiến, ngược với tinh thần Luật ủy quyền”*. Hồ sơ số 3677.

(23). TTLTQG II, Phòng Nha Văn khố Quốc gia, *Sắc luật số 007-TT/SLU ngày 4-8-1972 sửa đổi một số điều khoản của Luật số 019/69 ngày 30-12-1969 ấn định quy chế báo chí*. Hồ sơ số 1471.

(24). Ngày 21-1-1971, Thủ tướng chính phủ Trần Thiện Khiêm đã ban hành Sắc luật 006/SL/TT, trong đó điều 4 của luật này cũng qui định các nội dung trên nhưng vấp phải sự phản đối kịch liệt của báo giới nên ngay sau đó Sắc lệnh 006 đã bị bãi bỏ.

(25). Dẫn theo Nguyễn Công Khanh, *Lịch sử báo chí Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh (1865 - 1995)*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2006, tr. 368.

(26). TTLTQG II, Phòng Đệ nhị Cộng hòa, Văn phòng phụ-tá đặc-biệt liên-lạc đoàn-thể gửi Phiếu trình số 183-PTT/PTĐB/LLĐT/TM đến Tổng-

Thống, đề mục “Biện pháp đối phó với các phản ứng về Sắc-luật 007/72 sửa đổi Quy chế báo chí”. Hồ sơ số 3720.

(28). TTLTQG II, Phòng Phủ Tổng thống, Nghị định số 033-TT/ND của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ngày 9-2-1973 về “ấn định tổ chức Phủ Tổng ủy Dân vận”. Hồ sơ số 1452.

(29). TTLTQG II, Phòng Đệ nhị Cộng hòa, Phủ Tổng-Thống ra Huấn-Thị số: 001-TT/HT đề Thượng-Khẩn, “Về việc chỉ đạo đường lối dân-vận/Thông-tin trong và ngoài nước”. Hồ sơ số 7769.

(30). TTLTQG II, Phòng Nha Sinh hoạt văn hóa, Luật số 014/73 ngày 30-11-1973 “Qui định chế độ nạp bản tại Việt Nam”. Hồ sơ số 219.

(31). TTLTQG II, Phòng Nha Sinh hoạt văn hóa, dự thảo Sắc lệnh số... -SL/VHGDTN ngày...tháng...năm 1974 “ấn-định thể thức thi hàng Luật-số 014/73 ngày 30.10.1973 qui định chế độ Nạp-bản tại Việt-Nam của Thủ-Tướng Chánh-Phủ”. Hồ sơ số 219.

(32). TTLTQG II, Phòng Đệ nhị Cộng hòa, Huấn thị số 402/ThT/VP/M (đề MậtT) của Phủ Thủ tướng ban hành ngày 3-4-1975 “Về việc thi hành chính-sách thông-tin Báo-chí”, Hồ sơ số 4067.

(33). Dẫn theo Dương Kiều Linh, *Một vài nét về chính sách báo chí của chính quyền Ngô Đình Diệm (1954 - 1963)*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2, năm 1999, tr. 23.

(34), (35). TTLTQG II, Phòng Phủ Thủ tướng, Văn bản số 523/H/74 của nhóm dân biểu quốc gia thuộc Khối Dân tộc Xã hội Hạ Nghị viện gửi Thủ tướng Chánh phủ Việt Nam Cộng hòa. Hồ sơ số 31319.